TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà* **Lưu Thị Hồng Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. *Ông* **Nguyễn Mạnh Đạt**

2. *Ông* **Đỗ Quang Linh**

- ***Thư ký phiên tòa***: *Bà* **Hà Phương Ánh Nguyệt**

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội*** *tham gia phiên toà: Bà* **Đào Thị Mai Phương** -Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/*2019*/QĐXX-ST ngày *02* tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Lê Tr.** – Sinh năm: 1985.Có mặt.

Bị đơn: **Anh Lê Hoài G. –** Sinh năm: 1984. Có mặt.

Cùng cư trú tại: Phòng 26, tầng 12A, toà nhà R2B, khu đô thị Royal City, 72A Đường Ng., phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Lê Tr.: Bà Đinh Thị A2., sinh năm 1976; Trú tại: P1615 Toà nhà 19T3 chung cư thu nhập thấp, phường KH., quận Hà Đông, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 26 tháng 04 năm 2019, chị Nguyễn Lê Tr. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Lê Tr. xin ly hôn với anh Lê Hoài G.

Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung Lê Sỹ Ng. sinh 02/9/2010 và Lê Hà A., sinh ngày 10/8/2012. Chị Tr. xin nuôi cả hai con và yêu cầu anh G. đóng góp tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản: Tự thoả thuận.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 đăng ký kết hôn (bản chính).

2- Đơn xác nhận tạm trú;

3. Sổ hộ khẩu bản phô tô công chứng;

4. Căn cước công dân của Nguyễn Lê Tr.

5. Giấy khai sinh bản sao của hai con;

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – chị Nguyễn Lê Tr. trình bày:

- **Về tình cảm:** chị và anh Lê Hoài G. kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/6/2010 tại UBND phường B., quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm, lối sống không phù hợp và vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ

chồng không cải thiện được nên chị Tr. đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh G..

- Về con chung: Anh chị có hai con chung: Lê Sỹ Ng. sinh 02/9/2010 và Lê Hà A., sinh ngày 10/8/2012. Chị Tr. xin nuôi cả hai con và yêu cầu anh G. đóng góp tiền nuôi con chung. Nếu không được chị xin nuôi cháu Lê Hà An và không yêu cầu anh G. đóng góp tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Lê Tr. không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có.

Bị đơn: anh Lê Hoài G. thừa nhận anh và chị Tr. có đăng kết hôn tự nguyện năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân do anh G. đi học cao học, không có thời gian đi làm thêm nên thu nhập giảm sút, chị Tr. không động viên nên vợ chồng mâu thuẫn gay gắt và từ 2015 chị Tr. ra khỏi nhà anh từ đó đến nay. Nay chị Tr. xin ly hôn anh muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, nếu chị Tr. cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lê Sỹ Ng. sinh 02/9/2010; Lê Hà A., sinh ngày 10/8/2012. Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi dưỡng hai con chung vì từ khi sống ly thân năm 2015 đến nay hai con vẫn sống cùng anh và ông bà nội, anh có công việc ổn định, thời gian đảm bảo cho việc chăm sóc các cháu, hơn nữa còn có sự phụ giúp của ông bà nội trong việc chăm sóc các cháu hàng ngày, cả hai cháu đều đã quen với việc học tập và cuộc sống như hiện nay, anh không muốm các con anh khổ, công việc của chị Tr. hay phải đi công tác nên anh không đồng ý để chị Tr. nuôi con, suốt 05 năm qua chị Tr. không hề đóng góp tiền nuôi con chung,

kể cả khi được yêu cầu. Anh không đồng ý tách các con ra vì khi ly hôn các cháu rất thiệt thòi, hơn nữa hai cháu đề ở thể thấp còi nên rất cần sự chăm sóc, gia đình anh đều là bác sỹ nhi nên anh đề nghị được nuôi cả hai con trong thời điểm này, hơn nữa từ khi chị Tr. không sống cùng bố con anh thì hàng tuần gia đình anh vẫn tạo điều kiện để chị Tr. đến chăm sóc các con không ai ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị Tr. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có ý kiến gì.

Tại phiên toà hôm nay, chị Tr. thừa nhận: Từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2015 đến nay hai cháu vẫn sống cùng anh G. và ông bà nội, hiện hai cháu đang học ở trường quốc tế, tiền đóng học, cũng như tiền sinh hoạt của các con trong suốt thời gian qua là do anh G. đóng, hàng ngày chị vẫn đến gia đình anh G. để dạy các con học. Tuy nhiên do anh G. làm bác sỹ hay phải đi trực nên chị xin được nuôi con, hiện nay chị làm nhân viên phụ trách kinh doanh của công ty Marubeni, mức thu nhập 36.000.000 đồng/tháng, có thời gian chăm sóc các con, có chỗ ở ổn định. Nếu anh G. muốn chị tiếp tục cho các con học tại trường Quốc tế như hiện nay thì anh G. phải đóng góp toàn bộ tiền học cho các con còn chị chăm sóc các con. Còn nếu không được nuôi cả hai con thì chị xin nuôi cháu Lê Hà A. vì cháu Hà A. là con gái, còn nếu anh G. muốn nuôi cháu Hà A. thì chị cũng đồng ý.

Anh G. trình bày: Từ khi chị Tr. bỏ đi các cháu vẫn do anh chăm sóc vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của hai con, mong Hội đồng xét xử cho anh được nuôi cả hai con, nếu chị Tr. muốn nuôi cả hai con anh cũng đồng ý nhưng với điều kiện chị Tr. vẫn phải cho các con tiếp tục học trường

quốc tế như hiện nay, nếu phải nuôi một cháu thì anh xin nuôi cháu Lê Hà A. vì anh không muốn sau này cháu sống cùng bố dượng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Mâu thuẫn giữa chị Tr. và anh G. thật sự trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu của chị Tr. được ly hôn anh G.; Về con chung: anh chị có 02 con chung Lê Sỹ Ng. sinh 02/9/2010; Lê Hà A., sinh ngày 10/8/2012g, xét thấy hai cháu còn nhỏ, cả chị Tr. và anh G. đều có nguyện vọng được nuôi con.Tại phiên toà chị Tr. muốn nuôi cháu Lê Hà A. còn nếu anh G. muốn nuôi cháu Hà A. thì chị nhất trí. Đề nghị hội đồng xét xử giao anh Lê Hoài G. nuôi dưỡng cháu Lê Hà A., chị Nguyễn Lê Tr. nuôi cháu Lê Sỹ Ng., tiền cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Hai bên có quyền chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, công nợ chung: hai bên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Lê Tr. đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn anh Lê Hoài G.; Căn cứ theo các quy định tại Điều 192 BLTTDS 2015 và Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền của TAND quận Thanh Xuân.

2. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Tr. và anh G. trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống của vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết chị Tr. xin ly hôn anh G. không đồng ý nhưng cũng thừa nhận vợ chồng thường

xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ 2015 đến nay và nếu chị Tr. cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý. Xét thấy trong quá trình giải quyết và tại phiên toà cả hai thừa nhận vợ chồng luôn căng thẳng, mâu thuẫn chủ yếu là do cả hai. Tình trạng hôn nhân giữa chị Tr. và anh G. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Lê Tr. được ly hôn anh Lê Hoài G..

3. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Sỹ Ng. sinh 02/9/2010; Lê Hà A., sinh ngày 10/8/2012. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Tr. xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Vì các cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, công việc chị thu nhập trung bình 36.000.000 đồng/tháng đảm bảo cuộc sống của ba mẹ con, nếu anh G. muốn các con tiếp tục học tại trường quốc tế như hiện nay thì chị yêu cầu anh G. đóng góp tiền nuôi con chung, còn nếu không được nuôi cả hai thì chị xin nuôi cháu An và không yêu cầu anh G. đóng góp tiền nuôi con chung

Anh G. xin nuôi cả hai con chung , không yêu cầu chị Tr. đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung, còn nếu không được anh xin nuôi cháu Lê Hà A. vì anh không muốm sau này chị Tr. đi lấy chồng con anh sống cùng bố dượng .

Xét chị Tr. anh G. có 02 con chung, cả hai anh chị đều có điều kiện cũng như thời gian để chăm sóc con. Quá trình giải quyết và tại phiên toà hôm nay, chị Tr. thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân các con của anh chị vẫn sống cùng anh G. và ông bà nội, hiện các cháu học tại trường quốc tế và tiền học cũng như sinh hoạt của các cháu trong 05 năm qua là do anh G. chu

cấp, hiện sức khoẻ cũng như học tập của các cháu rất tốt. Nếu các cháu về ở cùng chị thì chị sẽ chuyển cho các con học tại trường công lập, còn nếu anh G. phụ giúp về tiền học cho các con thì chị vẫn cho con học tại trường quốc tế như hiện nay. Từ khi các cháu ở cùng anh G. thì hàng ngày chị vẫn đến gia đình anh G. để kèm cặp các con, anh G. cũng như gia đình không gây khó khăn cho chị trong quá trình chị đến chăm sóc các con.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, cũng như điều kiện hiện nay của anh chị Tr. - G., để đảm bảo cuộc sống cho hai cháu Ng. và An được tiếp tục ổn định vì trên thực tế chị Tr. trình bày thì từ năm 2015 đến nay hai cháu vẫn do anh G. chăm sóc. Do cả hai đều có nguyện vọng nuôi con và cả đều có điều kiện và tại phiên toà chị Tr. cũng nhất trí nếu anh G. muốn nuôi bé Lê Hà A.. Vì vậy giao cháu Lê Hà A. cho anh G. trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Sỹ Ng. cho chị Tr. trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

5. Về án phí: căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009; Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Toà án thì chị Tr. phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 khoản 4, Điều 271, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm 8 Điều 27 Chương 3 Pháp lệnh án phí, lệ

phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009.

Xử :

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Lê Tr., Chị Nguyễn Lê Tr. được ly hôn anh Lê Hoài G..

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Sỹ Ng., sinh ngày 02/9/2010 cho chị Nguyễn Lê Tr. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Giao con chung là Lê Hà A., sinh ngày 10/8/2012 cho anh Lê Hoài G. trực tiếp nuôi dưỡng; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào và cùng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con,9

chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Lê Tr. phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ 300.000 đồng chị Nguyễn Lê Tr. đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005962 ngày 20/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

4. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Thị Hồng Vân